

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date/Ngày: 02-01-90

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Gửi số câu hỏi này tới:
Tổ Công Tác Việt-Nam
6 Chu Văn An
Hà Nội

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

Name/Họ, tên : LÊ VĂN CÂN Sex/Phái: M

Other Names/Họ, tên khác: +

Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 28.8.42 Làng An Hữu Tỉnh Mỹ Tho

Residence Address 184B Khóm 2 Ấp Mỹ Châu Xã Tân Hòa Bắc

Địa-chỉ thường-trú : Thị xã Vĩnh Long Tỉnh Cửu Long.

Mailing Address _____

Địa-chỉ thờ-tử : _____

Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: Buôn bán

B. Relatives to accompany me/Bã con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:
Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mã thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/ Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia-đình	Relationsh Liên-hệ gia-đình
1. Võ Kim Phượng	: 9 May 45	: Vĩnh Long	: F	: Có chồng	: Vợ
2. Lê bá Phi	: 3 July 67	: nt	: M	: Độc thân	: Con
3. Lê Thị Phượng Chi	: 1 nov 68	: Kiên Tường	: F	: nt	: Con
4. Lê Thị Phượng Thu	: 8 Aug 70	: Kiên Tường	: F	: nt	: Con
5. Lê Bá Phi	: 13 Feb 72	: Vĩnh Long	: M	: nt	: Con
6. Lê Thị Phượng Duyên	: 24 May 74	: Vĩnh Long	: F	: nt	: Con
7. /	/	/	/	/	/
8. /	/	/	/	/	/
9. /	/	/	/	/	/
10. /	/	/	/	/	/

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Ú-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bã con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of myself/của tôi

Of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name/Họ, Tên

: Trần Kim Sơn

Em con dì

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: Em con dì

c. Address/Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: 1975

2. Closest relative in other foreign countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name/Họ, tên

: _____

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

: _____

c. Address/Địa-chỉ

: _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father/Cha

: Lê Văn Hiệp (chết)

2. Mother/Mẹ

: Trần Thị Phụng (Sống)

3. Spouse/Vợ/Chồng

: Võ Kim Phượng (Sống)

4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có):

A

5. Children/Con cái:

(1) Lê Bá Phi

(2) Lê Thị Phượng Chi

(3) Lê Thị Phượng Thu

(4) Lê Bá Phú

(5) Lê Thị Phượng Duyên

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

6. Siblings/Anh chị em:

(1) Lê Kim Hoa (Sống)

(2) Lê Thị Nở (Sống)

(3) Lê Văn Lộc (Sống)

(4) Lê Thị Thuý (Duyên)

(5) _____

(6) _____

(7) _____

(8) _____

(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse
Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng mỹ

1. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

2. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

3. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/
 Họ tên người tham-gia : LE VAN CAN
 2. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: July-18-63 To/Tối: April-30-75
 3. Last Rank
 Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Serial Number/
 Số thẻ nhân-viên : 42-156-838
KBC-7434
 4. Ministry/Office/Military Unit
 Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : V.N. Intelligence Unit in Kien Tuong.
South V.N.
 5. Name of Supervisor/C.O.
 Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Major NGUYEN HUU DI

6. Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc: In Carceration in a re education camp

7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: _____

8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam: _____

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award/Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Date received/ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm Theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có _____ Không _____)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/
Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee/
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address/
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____

3. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: _____ To/Tới: _____

4. Description of Courses/
Mô-tả ngành học: _____

5. Who paid for training?/
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation/
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Lê Văn Căn

2. Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 1 May 75 To/Tới: 8 Nov 84

3. Still in Reeducation?*/Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Yes/Có _____ No/Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate./

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc?

Signature/Ký tên: Lê Văn Căn Date/Ngày: 1 Feb 1990

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy Ra Trại.
- Chứng thư chiến thư.
- Khai sanh: Lê Văn Căn; Võ Kim Phương; Lê Bá Phú; Lê Thị Phương Chi; Lê Thị Phương Thu; Lê Bá Phú và Lê Thị Phương Duyên.
- chứng nhận thưởng huân 3 VN.

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-Q1.TG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số 169 GR

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 330 ngày 29 tháng 9 năm 1984

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Cán

Sinh năm 1942

Các tên gọi khác

Mã Tho

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 8/8E ấp 5 xã An Hữu, Cđ. Bđ Tiền Giang

Can tội Đại lý trưởng chỉ an ninh quân đội

Bị bắt ngày 1/5/1975

Án phạt TTTT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 8/8E ấp 5 Xã An Hữu, Cđ. Bđ, Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Cán đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội quy của trại có tiến bộ.

Thời hạn quản chế 12 tháng (Mười Hai Tháng)

Tiền đi đồng đã cấp trả về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi về cư trú

Trước ngày 8 tháng 11 năm 1984

Lấn tay ngón trỏ phải
Của Lê Văn Cán
Danh bìa
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

nhân

Ngày 5 tháng 11 năm 1984

Giám thị

Trần Văn

Thiên 16. 11. 84

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh VĨNH-LONG

Quận CHÂU-THÀNH

Xã LONG-CHÂU

Số hiệu: 121

TRÍCH LỤC

chứng-thư hôn-thú

Tên họ người chồng LÊ-VĂN-CHÂN
nghề-nghiep Quân nhân
sinh ngày Hai mươi tám tháng tám năm 1942 (28-8-1942)
tại An-Huân (Mỹ-Tho)
cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm trú tại 124 A- Đường Lê-Thái-Tổ (Vĩnh-Long)
Tên họ cha chồng Lê-Văn-Kiếp (chết)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Trần-Thị-Phụng (sống)
(Sống chết phải nói)
Tên họ người vợ VÔ-KIỆP-PHƯƠNG
nghề nghiệp Học sinh
sinh ngày chín tháng năm năm 1945 (9-5-1945)
tại Tân-Hòa (Vĩnh-Long)
cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
tạm-trú tại 124 A- Đường Lê-Thái-Tổ (Vĩnh-long)
Tên họ cha vợ Vô-Văn-Ông (chết)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Huỳnh-Kim-Tiêng (sống)
(Sống chết phải nói)
— Ngày cưới 2-7-1966 (Hồi 10 giờ)
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế. /
ngày / tháng / năm /
tại /

Trích y bản chính

Chúng nhận chủ ký tên của Ủy-Ban
Hành chính xã Longchâu ngang đây,
Vĩnhlong, ngày 14-9-1966
TL. Quận-Trưởng
Phó Quận-Trưởng

Longchâu ngày 14 tháng 9 năm 1966

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-tị coi kiểm Hộ-tịch,

Lê-ngọc-Mèo

Trần-văn-Lân

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

~~Đông-Nghệ~~ (Đông-Nghệ)

(NAM PHẦN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM

1942

(Année)

SỐ HIỆU

213

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít	Lê Văn Dân
(Nom et prénom de l'enfant)	
Nam, nữ	Trẻ
(Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào	16 tháng 11 năm 1942
(Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào	Đông-Nghệ
(Lieu de naissance)	
Tên, họ cha	Lê Văn Giáp
(Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì	Đã qua đời
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	Đông-Nghệ
(Son domicile)	
Tên, họ mẹ	Nguyễn Thị Ngọc
(Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì	Đã qua đời
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	Đông-Nghệ
(Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh chưa bao giờ
(Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi

(Nous)

Chánh-án Tòa

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của
(Certifications authentiques de la signature de)

Ông

(M.)

Chánh-Lục-Sự Tòa án Sơ-tại.

(Greffier en chef dudit tribunal).

, ngày

19

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

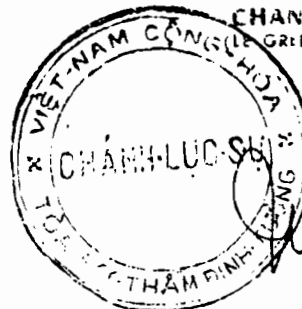
Trích y bản chánh

(Pour extrait conforme)

~~Đông-Nghệ~~

, ngày 10/11 1942

CHÁNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền :

1500

(Cout)

Biên-lai số

100/1942

(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

VINH LONG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1945
(Année)

SỐ HIỆU 38
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Võ-Kim-Phuong
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Le 9 Mai 1945
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Võ-Văn-Ông
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Mécanicien
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Huỳnh-Kim-Tiêng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Mua bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Le-Xuân-Kính
(Nous)

Chánh-án Toà Vinh Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phùng-Văn-Hợp
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Vinh Long, ngày 1.3 1946

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

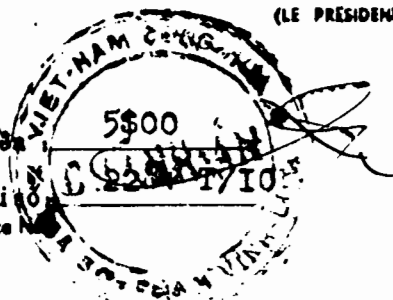
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vinh Long, ngày 1.3 1946

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Tracy

Giá tiền
(Coût)
Biên-lai
(Quittance)



NAM PHẦN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh-Long
Quận Châu-Thành
Xã Long-Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1967

(Xã Long-Châu TỈNH Vĩnh-Long NAM PHẦN)

SỐ HIỆU 1690

Tên họ đứa con nít	L - Đ - Á - P H I
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày ba tháng bảy dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy
Sanh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	Lê-van-Cẩn
Cha làm nghề gì	Quân - Nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	Võ-kim-Phương
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thối	Vợ-Chánh Hôn-thú số 121/66 Long-Châu (Vĩnh-Long)

Sao lục như trong bộ

Long-Châu ngày 5 tháng 9 năm 1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch

Lệ phí _____
Biên lai số _____

KHAI SANH

Số hiệu

579

Trích lục y trong bộ
sinh năm 1968 tờ số
579.

Tuyên-Thanh, ngày 27
tháng 7 năm 1970.
U.V/Hộ-Tịch,

[Signature]
Nguyễn-văn-Trù

Có kiểm lại.
CTK,

[Signature]
Trần-văn-Dương, SD

Nhận thư:
chủ ký của U.V/Hộ-Tịch.
Xã-Trường,
Xã-Trường/HC



NGUYỄN-HỮU-THÂN

[Signature]
Chức vụ: *[Signature]*



Tên, họ đầu - nhì :	Lê thị Phương-Chi
Phái :	Nữ
Sinh (Ngày, tháng, năm) :	Một, tháng Mười, Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.
Tại :	Tam.
Cha (Tên họ) :	Tuyên-Thanh, Châu-Thành (Kiến-Tương)
Tuổi :	Lê văn Cẩm
	26 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Mẹ (Tên họ) :	Võ-Kim-Phương
Tuổi :	23 tuổi
Nghề :	Nội trợ
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Vợ (Chánh hay thứ) :	chánh
Người khai (Tên họ) :	LÊ-VĂN-CẨM
Tuổi :	26 tuổi
Nghề :	Quản-Nhân
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Ngày khai :	Ngày Đón, Tháng Mười Một, Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.
Người làm chứng thứ nhất (Tên họ) :	Tăng-Phát
Tuổi :	39 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Người làm chứng thứ hai (Tên họ) :	Nguyễn Thanh-Bình
Tuổi :	23 tuổi
Nghề :	Quản nhân
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh

[Signature] Ngày, **04 tháng 01, năm 1968.**
Người khai **Tuyên-Thanh** Họ - Tê,

LÊ-VĂN-CẨM
(kýtên)

Lê-văn-Tuoi
(kýtên)

Tăng-Phát
Nguyễn-Thanh-Bình
(kýtên)

Thân tá BUI NGOC MAN

KHAI SANH

Số hiệu 502

Trích y trong bộ sanh
năm 1970 số hiệu 502
Tuyên-Thanh, ngày 13-08-70
Ủy-viên Hộ-Tịch

Nguyễn-Van-Tru
NGUYỄN-VAN-TRU
Đã điền lại
Thư ký

NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG

Nhận thực chủ ký tên
của Ủy-viên Hộ-Tịch
TƯ. L. TRƯỞNG
H. QU. TRƯỞNG/H. C.



Tên, họ ấu-nhi :	LÊ-THỊ-PHƯƠNG-THU
Phái :	Nữ
Sanh (Ngày, tháng, năm) :	ngày tám, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại :	Tuyên-Thanh (Kiến-Anh)
Cha (Tên họ) :	Lê-văn-Cẩn
Tuổi :	28 tuổi
Nghề :	Quan-anh
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Mẹ (Tên họ) :	Võ-kim-Phương
Tuổi :	25 tuổi
Nghề :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Vợ (Chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai (Tên họ) :	Lê-văn-Cẩn
Tuổi :	28 tuổi
Nghề :	Quan-anh
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Ngày khai :	ngày mười hai, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Người làm chứng thứ nhất (Tên họ) :	Võ-tấn-Lộc
Tuổi :	37 tuổi
Nghề :	Cảnh-Sát
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Người làm chứng thứ nhì (Tên họ) :	Võ-thành-Son
Tuổi :	35 tuổi
Nghề :	Công-chiếu
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh

Lập tại Tuyên-Thanh Ngày, 12 tháng 8 năm 1970
Người khai, Hộ-Lai, Nhân Chứng,

Lê-văn-Cẩn (Ký tên) Nguyễn-van-Tru (Ký tên) Võ-tấn-Lộc (Ký tên)
Võ-thành-Son (Ký tên)

Chúng cho hợp pháp
những chữ ký của Hội-Đồng
X. TUYẾN-THANH

Quận-Thanh ngày 12 tháng 8 năm 1970
QU. TRƯỞNG
H. QU. TRƯỞNG

Nguyễn-Van-Tru
NGUYỄN-VAN-TRU

NAM PHẦN

VIỆT NAM

CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh-Long

Quận Châu-Thành

Xã Long-Châu

gòn

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SINH NĂM 1972

(XÃ Long-Châu TỈNH Vĩnh-Long NAM PHẦN)

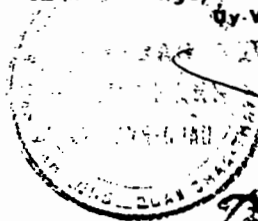
SỐ HIỆU 357

Tên họ đứa con nít	LÊ-ĐÁ-PHỐ
Nam nữ	Nam
Sinh ngày nào	Ngày mười ba tháng hai dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Sinh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	LÊ-VAN-CẨN
Cha làm nghề gì	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	VÕ-KIM-PHƯƠNG
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ-chánh

Sao lục như trong bộ

Long-Châu ngày 19 tháng 2 năm 19 72

Ủy-Viên Hộ-Tịch



Tham Lương
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Lệ phí _____

Biên lai số _____

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh-Trung

QUẬN Châu-Thành

XÃ Lân-Hòa

Số hiệu 188

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 05 tháng 7 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : Lê-Thị-Phượng-Duyến

Con gái hay trai : Con gái
Hai mươi bốn tháng năm dī một ngàn
chín trăm bảy mươi bốn

Ngày sanh

Nơi sanh

Xã Lân-Hòa-Vĩnh-Trung

Tên họ người cha : Lê-Văn-Cẩn

Tên họ người mẹ : Võ-Kim-Phượng

Vợ chánh hay không

có hôn thú :

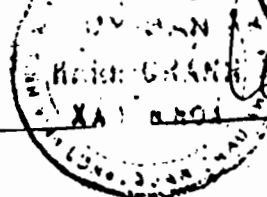
Vợ-chánh

Tên họ người đứng khai : Lê-Văn-Cẩn

TRÍCH-LỤC Y FẢN CHÁNH

Tóm ngày 05 tháng 7 năm 1974

Xã Trưởng Ủy-Viên Hộ-Tịch, h



BỘ NỘI VỤ
Tiểu ban xét tha
Số: 856 /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T/yêu: v/v thay đổi nơi
cư trú

/-/- à nội, ngày 10 tháng 12 năm 1984

Kính gửi: - Đ/c Giám đốc CA tỉnh Cửu Long.
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh Tiền Giang

Anh Lê Văn Cán sinh năm 1942 tại Mỹ Tho, cấp chức
Đại úy, trưởng chi ANQĐ.TTGDCT ở trại Thủ Đức đã được
thả theo QĐ số 330 ngày 29/9/84 của Bộ nội vụ và SGA
giấy ra trại số 269/GRT cho về 8/8E ấp 5, xã An Hữu,
huyện Cái Bè, Tiền Giang.

Nhưng nay vợ anh Lê Văn Cán hiện đang thường trú
tại 91 khóm 2 ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hòa Bắc, thị xã Vĩnh
Long, tỉnh Cửu Long (có xác nhận của chính quyền cơ sở).
Vì vậy anh Lê Văn Cán xin được về địa chỉ trên với vợ.

Đề nghị t/c xem xét và giải quyết cho được sự.

Bộ Nội Vụ
T/M Tiểu ban xét tha
Lúc trưởng Cục ANDTXH



Nguyễn Trọng Liên



LE VAN CAN
Aug - 28 - 42



VO KIM PHUONG
May - 9 - 45



LE BA PHI
July - 3 - 67



LE THI PHUONG CHI
NOV - 1 - 68



LE THI PHUONG THU
Aug - 8 - 70



Le Ba PHU
DOB - Feb - 13 - 72



LE THI PHUONG DUYEN
May - 24 - 74

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date/Ngày: 02-01-90

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào sổ câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:
Tổ Công Tác Việt-Nam
6 Chu Văn An
Hà Nội

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name/Họ, tên : LÊ VĂN CÂN Sex/Phái: M
- Other Names/Họ, tên khác: 0
3. Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 28.8.42 Làng An Hồn Tỉnh Mỹ Tho
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 184B Khuôn 2 Ấp Mỹ Thuận Xã Tân Hòa Bắc
Thị Xã Vĩnh Long Tỉnh Cửu Long
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử :
6. Current Occupation/Nghề-nghiệp hiện tại: Buôn bán

B. Relatives to accompany me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:
Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mã thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/ Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia-đình	Relations Liên-hệ gia-đình
1. Võ Kim Phụng	! 9 May 45 !	Vĩnh Long	F	Có chồng	V3
2. Lê bá Phi	! 3 July 67 !	nt	M	Độc thân	Cm
3. Lê thi Phụng Chi	! 1 Nov 68 !	Kiên Tường	F		
4. Lê thi Phụng Chi	! 8 Aug 70 !	nt	F		
5. Lê bá Phi	! 13 Feb 72 !	Vĩnh Long	M		
6. Lê thi Phụng Chi	! 24 May 74 !	nt	F		
7.	!	!	!	!	!
8.	!	!	!	!	!
9.	!	!	!	!	!
10.	!	!	!	!	!

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompany relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hằng ở Ngoại Quốc

	<u>Of myself/của tôi</u>	<u>Of my spouse/của vợ/chồng</u>
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name/Họ, Tên	Tăng Kim Sơn	1
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	Em con út	
c. Address/Địa-chỉ		
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	1975	
2. Closest relative in other foreign countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name/Họ, tên		
b. Relationship Liên-hệ gia-đình		
c. Address/Địa-chỉ		

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father/Cha	Lê Văn Hiệp	Chết
2. Mother/Mẹ	Trần Thị Phụng	Sống
3. Spouse/Vợ/Chồng	Đỗ Kim Phụng	Sống
4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có):	0	
5. Children/Con cái:		
	(1) Lê Bá Phi	
	(2) Lê Thị Phụng Chi	
	(3) Lê Thị Phụng Thu	
	(4) Lê Bá Phi	
	(5) Lê Thị Phụng Duyên	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings/Anh chị em:		
	(1) Lê Kim Hoa	(Sống)
	(2) Lê Thị Nở	Sống
	(3) Lê Văn Lộc	Sống
	(4) Lê Thị Phụng Duyên	Sống
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse
Bạn hoặc vợ/chồng đã cở làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng mỹ

1. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thối-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

2. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thối-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

3. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thối-gian làm-việc Từ: _____ Đến: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/
Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/
 Họ tên người tham-gia : LE VAN CAN
 2. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: July 18-63 To/Đến: April-30-75
 3. Last Rank Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Serial Number/
 Số thẻ nhân-viên : 42 156-835
RBC-7434
 4. Ministry/Office/Military Unit
 Bộ/sở/Đồn-Vị/Binh-Chúng : V.N. Intelligence Unit - in KIEN TUONG,
SOUTH V.N.
 5. Name of Supervisor/C.O.
 Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Major NGUYEN HUU DI.

6. Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc: In Carceration in re education camp
7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ tại Viet-Nam: _____

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award/Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Date received/ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm Theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có _____ Không _____)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/
Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

- Name of Student/Trainee/
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
- School and School Address/
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____
- Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: _____ To/Tới: _____
- Description of Courses/
Mô-tả ngành học: _____
- Who paid for training?/
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____) / (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

- Name of Person in Reeducation/
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: Lê Văn Căn
- Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 1 May 75 To/Tới: 8 Nov 84
- Still in Reeducation?*/Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Yes/Có _____ No/Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc?

Signature/Ký tên: Lê Văn Căn Date/Ngày: 1 Feb 1990.

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/
Xin nêu ra tất-cả giấy-tổ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy ra trại
- Chứng thư hôn thú
- Khôi sanh: Lê Văn Căn; Võ Kim Phụng; Lê Ba Phi;
Lê Thị Phương Chi; Lê Thị Phương Thu
Lê Ba Phi, Lê Thị Phương Duyên.
- Chứng nhận thưởng thư ở V.N.

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**
Số **469** GR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số **330** ngày **29** tháng **9** năm **1984**
của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Lê Văn Căn**

Sinh năm **1942**

Các tên gọi khác:

Mĩ Tho

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **8/SE ấp 5 xã An Hữu, Cái Bè, Tiền Giang**

Cán bộ **Đại úy trưởng chỉ an ninh quân đội**

Bị bắt ngày **1/5/1975**

Án phạt **TTGT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **8/SE Ấp 5 Xã An Hữu, Cái Bè, Tiền Giang**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Căn đã cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội quy của trại có tiến bộ.

Thời hạn quản chế 12 tháng (Mười Hai Tháng)

Tiền đề công đã cấp trả trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi về cư trú

Trước ngày **8** tháng **11** năm 19 **84**

Lấn tay ngón trỏ phải
Của **Lê Văn Căn**
Danh bìa
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nhơn

Ngày **5** tháng **11** năm 19 **84**
Giám thị

Trang

Thiên 10. 1984

Tỉnh VĨNH-LONG

Quận CHÂU-THÀNH

Xã LONG-CHÂU

Số hiệu: 121

TRÍCH LỤC

chứng-thư hôn-thú

Tên họ người chồng LÊ-VĂN-QUÂN
 nghề-nghiệp Quân nhân
 sanh ngày hai mươi tám tháng tám năm 1942 (28-8-1942)
 tại An-Huân (Mỹ-Tho)
 cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
 tạm trú tại 124 A- Đường Lê-Thái-Tổ (Vĩnh-Long)
 Tên họ cha chồng Lê-Văn-Kiếp (chết)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ chồng Trần-Thị-Phụng (sống)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ người vợ VÕ-KIM-PHƯƠNG
 nghề nghiệp Học sinh
 sanh ngày chín tháng năm năm 1945 (9-5-1945)
 tại Tân-Hòa (Vĩnh-Long)
 cư-sở tại Long-Châu (Vĩnh-Long)
 tạm-trú tại 124 A- Đường Lê-Thái-Tổ (Vĩnh-long)
 Tên họ cha vợ Võ-Văn-Ứng (chết)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ vợ Huỳnh-Kim-Tiêng (sống)
 (Sống chết phải nói)
 — Ngày cưới 2-7-1966 (Hồi 10 giờ)
 — Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế. /
 ngày / tháng / năm /
 tại /

Trích y bản chính

Chúng nhận chủ ký tên của Ủy-Ban
 Hành chính xã Longchâu ngang đây,
 Vĩnhlong, ngày 14-9-1966
 TL. Quận-Trưởng
 Phó Quận-Trưởng

Longchâu ngày 14 tháng 9 năm 1966

Viên-Chức Hộ-Tịch,

Chủ-tì chi kiểm Hộ-tịch,

Lê-ngọc-Mèo

Trần-vân-Lân

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Đông-Dương (Đông-Dương)

(NAM PHẦN)

(Sud Viêt-Nam)

NĂM

1942

(Année)

SỐ HIỆU

21

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít	<u>Đông-Dương</u>
(Nom et prénom de l'enfant)	
Nam, nữ	<u>Đông</u>
(Sexe de l'enfant)	
Sinh ngày nào	<u>16 tháng 12 năm 1942</u>
(Date de naissance)	
Sinh tại chỗ nào	<u>Đông-Dương</u>
(Lieu de naissance)	
Tên, họ cha	<u>Đông-Dương</u>
(Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì	<u>Đông-Dương</u>
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	<u>Đông-Dương</u>
(Son domicile)	
Tên, họ mẹ	<u>Đông-Dương</u>
(Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì	<u>Đông-Dương</u>
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	<u>Đông-Dương</u>
(Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ	<u>Đông-Dương</u>
(Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi

(Nous)

Chánh-án Tòa

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của

(Certifications authentiques de la signature de)

Ông

(M.)

Chánh-Lục-Sự Tòa án Sơ-tại.

(Greffier en chef dudit tribunal)

ngày

19

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Giá tiền:

1500

(Court)

Biên-lai số

1500/1942

(Quittance No)

Trích y bản chánh

(Pour extrait conforme)

Đông

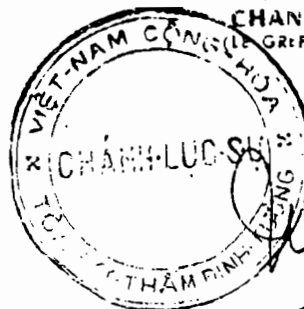
ngày

10/1

19

72

CHÁNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



VIỆT-NAM CỘNG HÒA
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Tân-Hòa
(Extrait du registre des actes de naissance) VINH LONG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1945
(Année)

SỐ HIỆU 38
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Võ-Kim-Phuong
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 9 Mai 1945
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Võ-Văn-Ứng
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Mécanicien
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Huỳnh-Kim-Tiêng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Mua bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Hòa (Vinh Long)
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Le-Xuân-Kính
(Nous) Vinh Long
Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Phùng-Văn-Hợp
Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).
Vinh Long, ngày 1.3 1946

CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

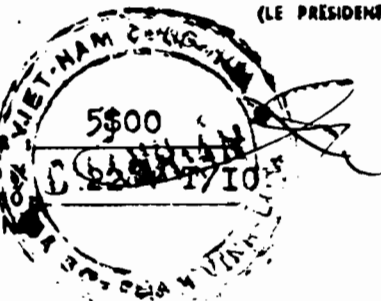
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vinh Long, ngày 1.3 1946

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Tracy

Giá tiền
(Coût)
Biên-lai
(Quittance)



NAM PHẦN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh-Long
Quận Châu-Thành
Xã Long-Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1967

(Xã Long-Châu TỈNH Vĩnh-Long NAM PHẦN)

SỐ HIỆU 1690

Tên họ đứa con nít	L Ộ - B Á - P H I
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày ba tháng bảy dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy
Sanh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	Lô-van-Cẩn
Cha làm nghề gì	Quân - Nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	Võ-kim-Phương
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chàng hay thoi	Vợ-Chánh Hôn-thú số 121/66 Long-Châu (Vĩnh-Long)

Sao lục như trong bộ

Long-Châu ngày 5 tháng 9 năm 1972
Ủy-Viên Hộ-Tịch

Lệ phí _____
Biên lai số _____

KHAI SANH

Số hiệu

579

Trích lục y trong hồ sơ
sinh năm 1968 tờ số
579.

Tuyên-Thanh, ngày 27
tháng 7 năm 1970.
U.V/Hồ-Tịch,

Nguyễn-văn-Trữ

Có kèm lại.
CTK,

Trần-văn-Dương, SD

Nhận thư:
chủ ký của U.V/Hồ-Tịch.
Xa-Trường,
Xã-Trường/HC



NGUYỄN-HỮU-THÂN

Chia/PK 24



Tên, họ ấu-nhi :

Lê thị Phương-Chi

Phái :

Nữ

Sanh (Ngày, tháng, năm) :

Một, tháng Mười, Năm một ngàn chín trăm sáu mươi

Tại :

Tam.

Cha (Tên họ) :

Tuyên-Thanh, Châu-Thành (Kiến-Tướng)

Tuổi :

Lê văn Cẩm

26 tuổi

Nghề :

Quân nhân

Cư trú tại :

Tuyên-Thanh

Mẹ (Tên họ) :

Võ-Kim-Phương

Tuổi :

23 tuổi

Nghề :

Nội trợ

Cư trú tại :

Tuyên-Thanh

Vợ (Chánh hay thứ) :

chánh

Người khai (Tên họ) :

LÊ-VĂN-CÂN

Tuổi :

26 tuổi

Nghề :

Quân-Nhân

Cư trú tại :

Tuyên-Thanh

Ngày khai :

Ngày Đón, Tháng Mười, Năm một ngàn chín trăm

Người làm chứng thứ nhất (Tên họ) :

Sau mười Tam.

Tuổi :

Tăng-Phát

Nghề :

39 tuổi

Cư trú tại :

Quân nhân

Người làm chứng thứ hai (Tên họ) :

Tuyên-Thanh

Tuổi :

Nguyễn Thanh-Bình

Nghề :

23 tuổi

Cư trú tại :

Quân nhân

Tuyên-Thanh

Ngày,

Tuyên-Thanh Huyện,

04 tháng 10, năm 1968.

LÊ-VĂN-CÂN
(ký tên)

Lê-văn-Tuoi
(ký tên)

Tăng-Phát
Nguyễn-Thanh-Bình
(ký tên)

KHAI SANH

Số hiệu 502

Trích y trong hộ sinh
năm 1970 số hiệu 502
Tuyên-Thanh, ngày 13-08-70
Ủy-viên Hộ-Tịch


NGUYỄN-VAN-TRU
Đã kiểm lại
Thư ký

NGUYỄN-THỊ-PHƯƠNG

Nhận thực chủ ký tên
của Ủy-viên Hộ-Tịch
TƯ. X. TRƯỞNG
H. X. TRƯỞNG/HC



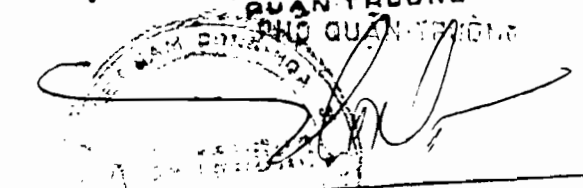
Tên, họ Âu-nhi :	LÊ-THỊ-PHƯƠNG-THU
Phái :	Nữ
Ngày khai sinh (Ngày, tháng, năm) :	ngày tám, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại :	Tuyên-Thanh (Xã-Lai)
Cha (Tên họ) :	Lê-văn-Cẩn
Tuổi :	25 tuổi
Nghề :	Quản-lưu
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Mẹ (Tên họ) :	Võ-kim-Phương
Tuổi :	25 tuổi
Nghề :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Vợ (Chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai (Tên họ) :	Lê-văn-Cẩn
Tuổi :	28 tuổi
Nghề :	Quản-lưu
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Ngày khai :	ngày mười hai, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Người làm chứng thứ nhất (Tên họ) :	Võ-tấn-Lộc
Tuổi :	37 tuổi
Nghề :	Cảnh-Sát
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh
Người làm chứng thứ nhì (Tên họ) :	Võ-thành-Son
Tuổi :	35 tuổi
Nghề :	Công-chiếu
Cư trú tại :	Tuyên-Thanh

Lập tại Tuyên-Thanh Ngày, Lễ tháng năm 1970

Người khai,	Hộ-Lai,	Nhân Chứng,
Lê-văn-Cẩn	Nguyễn-van-Tru	Võ-tấn-Lộc (Ký tên)
(Ký tên)	(Ký tên)	Võ-thành-Son (Ký tên)

Chúng cho hợp pháp
những chủ ký của Hộ-Băng
X. TUYÊN-THANH

Chức-Thanh ngày 13 tháng 8 năm 1970
QUẢN TRƯỞNG
H. X. TRƯỞNG


NGUYỄN-VAN-TRU

NAM PHẦN

VIỆT NAM

CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh-Long

Quận Châu-Thanh

Xã Long-Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BẢN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1972

(XÃ Long-Châu TỈNH Vĩnh-Long NAM PHẦN)

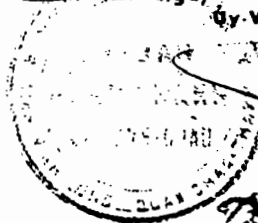
SỐ HIỆU 307

Tên họ đứa con nít	LÊ-BÁ-PHỒ
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày mười ba tháng hai dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Sanh tại chỗ nào	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ cha	LÊ-VĂN-CẤN
Cha làm nghề gì	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Tên họ mẹ	VÕ-KIM-PHƯƠNG
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Long-Châu (Vĩnh-Long)
Vợ chánh hay thứ	Vợ-chánh

Sao lục như trong bộ

Long-Châu ngày 19 tháng 2 năm 19 72

Ủy-Viên Hộ-Tịch



Tham Lương
ỦY VIÊN

Lệ phí _____

Biên lai số _____

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh-Long

QUẬN Cầu-Long

XÃ Lân-Hòa

Số hiệu 188

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 05 tháng 1 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : Lê-Thị-Phượng-Duyên

Con gái hay trai : Con gái
Hai mươi bốn tháng năm dl một ngàn
chín trăm bảy mươi bốn

Ngày sanh

Nơi sanh

Xã Lân-Hòa-Vĩnh-Long

Tên họ người cha : Lê-văn-Cẩn

Tên họ người mẹ : Võ-Him-Phượng

Vợ chánh hay không

có hôn thú :

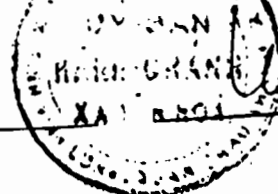
Vợ-chánh

Tên họ người đứng khai : Lê-văn-Cẩn

TRÍCH-LỤC Y FẢN CHÁNH

Tên Lê-Thị-Phượng-Duyên ngày 05 tháng 01 năm 1974

Xã Trưởng-Rệp Ủy-Viên Hộ-Tịch, h



BỘ NỘI VỤ
Tiểu ban xét tha
Số: 856 /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T/yêu: v/v thay đổi nơi
cư trú

/-/- à nội, ngày 10 tháng 12 năm 1984

Kính gửi: - Đ/c Giám đốc CA tỉnh Cửu Long.

- Đ/c Giám đốc CA tỉnh Tiền Giang

Anh Lê Văn Cán sinh năm 1942 tại Mỹ Tho, cấp chức
Đại úy, trưởng chi ANQĐ.TTGDCT ở trại Thủ Đức đã được
thả theo QĐ số 330 ngày 29/9/84 của Bộ nội vụ và SVA
giấy ra trại số 269/GRT cho về 8/8E ấp 5, xã An Hữu,
huyện Cái Bè, Tiền Giang.

Nhưng nay vợ anh Lê Văn Cán hiện đang thường trú
tại 91 khóm 2 ấp Mỹ Thuận, xã Tân Hòa Bắc, thị xã Vĩnh
Long, tỉnh Cửu Long (có xác nhận của chính quyền cơ sở).
Vì vậy anh Lê Văn Cán xin được về địa chỉ trên với vợ.

Đề nghị t/c xem xét và giải quyết cho đương sự.

Bộ Nội Vụ
T/M Tiểu ban xét tha
Cục trưởng Cục ANDTXH



Nguyễn Trọng Liên



LE VAN CAN
Aug - 28 - 42



VO KIM PHUONG
May - 9 - 45



LE BA PHI
July - 3 - 67



LE THI PHUONG CHI
Nov - 1 - 68



LE THI PHUONG THU
Aug 8 - 70



Le Ba PHU
DOB - Feb 13 72



LE THI PHUONG DU THIEN
May - 24 - 74



LE VAN CAN
Aug - 28 - 42



VO KIM PHUONG
May - 9 - 45



LE BA PHI
July - 3 - 67



LE THI PHUONG CHI
NOV - 1 - 68



LE THI PHUONG THU
Aug - 8 - 70



Le Ba PHU
DOB - Feb - 13 - 72



LE THI PHUONG DUYEN
May - 24 - 74

2-19-90

Kính gửi chị Thu.

Em gửi chị hồ sơ gia đình của
Đại úy An. Minh Lê Văn Căn để xin
chị giúp đỡ cho gia đình Anh Căn
được xin đi theo chương trình H.O.
Gia đình này là bạn của nhà em.
Và cũng như ở chúng ^{một trái} tôi.

Gia đình cũng xin chị giúp đỡ có
lời để xin tiếp các giấy tờ kế
tiếp bên V.N.

Mọi việc thủ tục chị cứ gửi về
địa chỉ nhà em, để em có thể
tiếp tay giúp các anh em còn kẹt
bên nhà.

Chị cũng cho em xin tờ biên nhận
về hồ sơ này để em chuyển về
V.N cho gia đình Anh Căn. Cũng
xin chị chú ý dẫn thêm phần làm
các giấy tờ gì thêm. Họ ~~không~~ ~~có~~ chưa
có giấy tờ gì ở Bangkok cả?
Xin chị giúp cho. Mong tin của chị

Hồ chúng em và 3 bà bạn sẽ có một
ổ lửa cơm "Hội Ngộ"

Mong tin của chị. Nhớ cho em
tổ chúng nhau hồ sơ với chữ ký
của chị trên giấy in tên Hội.

Em.

Thu + Minh.

Thu

Mrs. Thu Huynh Bui
P.O. Box 3581
Savannah, GA 31414



To: Mrs. Khuc Minh Tho

A large white rectangular box redacting the address and other details of the envelope.